

Số: 55/QĐ-UBND

Hành Tín Tây, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây (ban hành lần ba)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀNH TÍN TÂY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng ban chỉ đạo triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 xã Hành Tín Tây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Danh mục thông tin dạng văn bản Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng vào hoạt động hành chính tại Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây**” (ban hành lần ba).

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo triển khai xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây chịu trách nhiệm tổ chức triển khai áp dụng và theo dõi, giám sát, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu quy định.

Tất cả các cán bộ, công chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo các quy trình xử lý công việc đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND xã Hành Tín Tây.

Điều 4. Các thành viên Ban chỉ đạo ISO, bộ phận “một cửa”, cán bộ, công chức, người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VT, Ban ISO.

CHỦ TỊCH

Mai Văn Tường

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 ÁP DỤNG VÀO HOẠT
ĐỘNG HÀNH CHÍNH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀNH TÍN TÂY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2023
của UBND xã Hành Tín Tây)*

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
Quy trình chung hệ thống quản lý chất lượng			
1	Mô hình (sổ tay chất lượng) hệ thống quản lý chất lượng (kèm theo phụ lục)	MHCL	
2	Quy trình xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng	QT.HT.01	
3	Quy trình kiểm soát thông tin văn bản dạng tài liệu	QT.HT.02	
4	Quy trình kiểm soát thông tin văn bản dạng hồ sơ	QT.HT.03	
5	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT.HT.04	
6	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến	QT.HT.05	
7	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.HT.06	
8	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT.HT.07	
Quy trình quản lý nội bộ			
9	Quy trình quản lý văn bản đi và đến	QT.NB.01	
10	Quy trình giao dịch theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”	QT.NB.02	
Quy trình giải quyết Thủ tục hành chính			
I	Lĩnh vực: Hộ tịch (16)	Mã hiệu quy trình	
1	Quy trình đăng ký khai sinh	QT-TPHT-01	
2	Quy trình đăng ký kết hôn	QT-TPHT-02	
3	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-TPHT-03	
4	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-TPHT-04	
5	Quy trình đăng ký khai tử	QT-TPHT-05	
6	Quy trình đăng ký giám hộ	QT-TPHT-09	
7	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-TPHT-10	
8	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-TPHT-11	

9	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-TPHT-12	
10	Quy trình đăng ký lại khai sinh	QT-TPHT-13	
11	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-TPHT-14	
12	Quy trình đăng ký lại kết hôn	QT-TPHT-15	
13	Quy trình đăng ký lại khai tử	QT-TPHT-16	
14	Quy trình xác nhận thông tin hộ tịch	QT-TPHT-17	
15	Quy trình cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-TPHT-18	
II	Lĩnh vực: Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi (2)		
16	Quy trình liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-LTKS-01	
17	Quy trình liên thông đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-LTKS-02	
III	Lĩnh vực: Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí (15)		
18	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	QT-LTKT-01	
19	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	QT-LTKT-02	
20	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-LTKT-03	
21	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	QT-LTKT-04	
22	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh	QT-LTKT-05	

23	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT-LTKT-06	
24	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-LTKT-07	
25	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	QT-LTKT-08	
26	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	QT-LTKT-09	
27	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-LTKT-10	
28	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	QT-LTKT-11	
29	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh	QT-LTKT-12	
30	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu- chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT-LTKT-13	

31	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-LTKT-14	
32	Quy trình Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	QT-LTKT-15	
IV	Lĩnh vực: Chứng thực (11)		
33	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CTH-01	
34	Quy trình chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-CTH-02	
35	Quy trình chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CTH-03	
36	Quy trình sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	QT-CTH-04	
37	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp, giao dịch được chứng thực	QT-CTH-05	
38	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CTH-06	
39	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-CTH-07	
40	Quy trình chứng thực di chúc	QT-CTH-08	
41	Quy trình chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-CTH-09	
42	Quy trình chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CTH-10	
43	Quy trình chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CTH-11	
V	Lĩnh vực: Nuôi con nuôi (2)		
44	Quy trình đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-01	
45	Quy trình đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02	

VI	Lĩnh vực: Đất đai (3)		
46	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai	QT-ĐĐ-01	
47	Quy trình Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-ĐĐ-02	
48	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất)	QT-ĐĐ-03	
VII	Lĩnh vực: Môi trường (2)		
49	Quy trình tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT-MT-01	
50	Quy trình xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-MT-02	
VIII	Lĩnh vực: Tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo (4)		
51	Quy trình tiếp công dân tại UBND cấp xã	QT-TXKN-01	
52	Quy trình xử lý đơn thư	QT-TXKN-02	
53	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND cấp xã	QT-TXKTN-03	
54	Quy trình giải quyết tố cáo của Chủ tịch UBND cấp xã	QT-TXKN-04	
IX	Lĩnh vực: Giáo dục (5)		
55	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-01	
56	Quy trình sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-02	
57	Quy trình giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-03	

58	Quy trình cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	QT-GDĐT-04	
59	Quy trình cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-GDĐT-05	
X	Lĩnh vực: Văn hóa thể thao – Di sản văn hóa (5)		
60	Quy trình công nhận “Gia đình văn hóa”	QT-VHTT-01	
61	Quy trình đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	QT-VHTT-02	
62	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-VHTT-03	
63	Quy trình xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	QT – VHTT-04	
64	Quy trình thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT – VHTT-05	
XI	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (13)		
65	Quy trình xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-01	
66	Quy trình đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-02	
67	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-BTXH-03	
68	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-BTXH-04	
69	Quy trình xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-BTXH-05	
70	Quy trình thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội	QT-BTXH-06	
71	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-07	
72	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-BTXH-08	

73	Quy trình hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-BTXH-09	
74	Quy trình hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-BTXH-10	
75	Quy trình tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện (có xác nhận của UBND cấp xã)	QT-BTXH-12	
76	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT-BTXH-13	
XII	Lĩnh vực: Người có công (24)		
77	Quy trình Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-01	
78	Quy trình Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCC-03	
79	Quy trình Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-04	
80	Quy trình Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-NCC-05	
81	Quy trình Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-NCC-06	
82	Quy trình Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-NCC-07	
83	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-NCC-08	
84	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-09	
85	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-10	
86	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-NCC-11	
87	Quy trình Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân	QT-NCC-12	

	nhân liệt sĩ		
88	Quy trình Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-NCC-13	
89	Quy trình Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-NCC-14	
90	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-NCC-15	
91	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-NCC-16	
92	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT-NCC-17	
93	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-NCC-18	
94	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-19	
95	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-NCC-20	
96	Quy trình Quy trình cấp giấy xác nhận thân nhân người có công	QT-NCC-21	
97	Quy trình Quy trình thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-22	
98	Quy trình Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	QT-NCC-23	
99	Quy trình Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đã chuyển ra quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	QT-NCC-24	
XIII	Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo (10)		
100	Quy trình đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TNTG-01	
101	Quy trình đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT-TNTG-02	
102	Quy trình đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TNTG-03	
103	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.	QT-TNTG-04	
104	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo	QT-TNTG-05	

	bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
105	Quy trình đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TNTG-06	
106	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT-TNTG-07	
107	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-TNTG-08	
108	Quy trình thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TNTG-09	
109	Quy trình thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn trọng trực thuộc	QT-TNTG-10	
XIV	Lĩnh vực: Kết cấu hạ tầng giao thông (5)		
110	Quy trình chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý	QT-HTGT-01	
111	Quy trình cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý	QT-HTGT-02	
112	Quy trình cấp phép thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý	QT-HTGT-03	
113	Quy trình chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	QT-HTGT-04	
114	Quy trình giấy phép thi công công trình thiết yếu trên các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo	QT-HTGT-05	
XV	Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng (5)		
115	Quy trình kê khai tài sản, thu nhập	QT-PCTN-01	
116	Quy trình công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	QT-PCTN-02	
117	Quy trình xác minh tài sản, thu nhập	QT-PCTN-03	
118	Quy trình tiếp nhận các yêu cầu giải trình	QT-PCTN-04	
119	Quy trình thực hiện giải trình	QT-PCTN-05	

XVI	Lĩnh vực: Trẻ em (6)		
120	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-TE-01	
121	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT-TE-02	
122	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-TE-03	
123	Quy trình Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-TE-04	
XVII	Lĩnh vực: Hòa giải cơ sở (4)		
124	Quy trình công nhận hòa giải viên	QT-HG-01	
125	Quy trình công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT-HG-02	
126	Quy trình thôi làm hòa giải viên	QT-HG-03	
127	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-HG-04	
XVIII	Lĩnh vực: Thi đua – Khen thưởng (5)		
128	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-TĐKT-01	
129	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT-TĐKT-02	
130	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT-TĐKT-03	
131	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT-TĐKT-04	
132	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-TĐKT-05	
XIX	Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội (1)		
133	Quy trình đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT – PCTNXH-01	
XX	Lĩnh vực: Lâm nghiệp (3)		
134	Quy trình Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà,	QT-LN-01	

	trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân		
135	Quy trình Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên	QT-LN-02	
136	Quy trình Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-LN-03	
XXI	Lĩnh vực: Chính sách (02)		
137	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QT-CS-01	
138	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QT-CS-02	
XXII	Lĩnh vực: Đường bộ (1)		
139	Thủ tục chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường bộ địa phương	QT-ĐB-01	